

Số: 2545/TTr-UBND

Đăk Nông, ngày 31 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn của tỉnh Đăk Nông

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đăk Nông, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Nông, lâm nghiệp là ngành đóng vai trò chủ đạo đối với nền kinh tế tỉnh Đăk Nông với diện tích đất nông, lâm nghiệp chiếm 91,47% tổng diện tích tự nhiên, trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 360.893 ha, chiếm 55,44%; diện tích đất lâm nghiệp là 234.506 ha, chiếm 36,03%. Tuy nhiên, nông nghiệp của tỉnh đang đứng trước các thách thức lớn chuyên canh như: sản xuất nhỏ lẻ, manh mún; các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn còn ít; các tổ chức sản xuất, kinh doanh có trình độ chuyên môn hóa cao chưa phát triển; thách thức về cạnh tranh hàng hóa do chất lượng nông sản và tình trạng về an toàn vệ sinh thực phẩm; giá cả nông sản biến động; hiện tượng sản xuất chạy theo “phong trào” diễn ra khá phổ biến dẫn đến tình trạng “được mùa mất giá”; các khâu sơ chế, chế biến, bảo quản và thương mại không bắt được nhu cầu phát triển, chủ yếu bán sản phẩm thô chưa qua chế biến. Tiêu thụ nông sản chủ yếu qua khâu trung gian là các đại lý. Việc liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông lâm sản còn gặp nhiều hạn chế, chưa tạo thành chuỗi khép kín. Ngoài ra một số sản phẩm nông nghiệp như: Cà phê, Hồ tiêu đã có sự liên kết giữa người nông dân, Tổ hợp tác, Hợp tác xã với doanh nghiệp với quy mô nhỏ, phát triển liên kết chưa ổn định. Thực hiện hợp đồng cam kết giữa doanh nghiệp, tổ chức sản xuất đại diện cho hộ nông dân và nông dân chưa chặt chẽ...

Để khắc phục tình trạng trên và đẩy mạnh cung cấp các hợp tác xã nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Ngày 05/7/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 98/2018/NĐ-CP trong đó quy định trách nhiệm của UBND tỉnh trình HĐND cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn.

Do vậy, việc xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp là yêu cầu cần thiết đối với phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hiện nay trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đăk Nông thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ, nhằm khuyến khích, hỗ trợ đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân tham gia liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tạo kết nối chuỗi sản xuất và tiêu thụ nông sản ổn định, bền vững. Tổ chức sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm gắn với cơ chế thị trường, tạo mối liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị nông sản hàng hóa. Quy hoạch vùng sản xuất tập trung, cơ cấu lại sản phẩm, nhất là các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, thế mạnh theo hướng phát huy thế mạnh của vùng, từng địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

2. Quan điểm

Nghị quyết phê duyệt một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp nếu được ban hành phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với quy định của Luật Đầu tư và các văn bản có liên quan khác để tạo khung pháp lý cho việc thực hiện hợp tác, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

- Giải quyết vấn đề cấp bách hiện nay đối với sản xuất nông nghiệp là tiêu thụ hết sản phẩm nông nghiệp. Đồng thời, quản lý chất lượng, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sản xuất; tạo điều kiện để phát triển sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân. Tập trung hỗ trợ vào khâu yếu nhất trong chuỗi liên kết (liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp).

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã (lần 1, 2, 3); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉnh sửa,

gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết (Công văn số 923/SNN-PTNT ngày 04/5/2019).

Ngày 08/5/2019, Sở Tư pháp có báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết (Báo cáo số 21/BCTĐ-STP ngày 08/5/2019).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết bao gồm 2 điều:

- Điều 1: Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.

- Điều 2: Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản dự thảo Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể một số chính sách của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thuỷ sản, lâm nghiệp (gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Đăk Nông. Qua đó, xác định, phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và thông báo công khai trên địa bàn tỉnh.

2.2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh được giao quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

3. Nội dung, định mức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. Tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng cho 01 dự án liên kết.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng mô hình khuyến nông

Hỗ trợ 100% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn, mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/mô hình; nếu thực hiện mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (nhà kính, nhà lưới, thủy canh, tưới nhỏ giọt, công nghệ sinh học, tự động hóa), mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/mô hình.

- Đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý sản xuất, quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi liên kết và phát triển thị trường

+ Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, nơi ở và đi lại cho đối tượng tham gia đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý sản xuất, quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi liên kết và phát triển thị trường.

+ Các đối tượng tham gia các lớp đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp: Hỗ trợ theo Điều 4 và Điều 5, Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng và các quy định cụ thể của tỉnh.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm

+ Hỗ trợ 100% chi phí về giống, vật tư nhưng không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã; mức hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/vụ đối với trồng rau, không quá 35 triệu đồng/chu kỳ sản xuất đối với chăn nuôi, không quá 05 triệu đồng/ha/năm đối với lâm nghiệp, không quá 30 triệu đồng/chu kỳ sản xuất đối với nuôi trồng thủy sản. Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/dự án liên kết.

+ Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm (bao gồm tem truy xuất nguồn gốc điện tử), mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng.

- Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/dự án liên kết.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Lồng ghép từ Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; các Chương trình, dự án về khuyến nông; Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã và thực hiện theo hướng dẫn của các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các cơ quan có liên quan.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn của tỉnh Đăk Nông xin kính trình HĐND tỉnh xem xét quyết định./.nvr

Hồ sơ gửi kèm theo:

- *Dự thảo Nghị quyết về một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn của tỉnh Đăk Nông;*

- Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;
- Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý các Sở, ngành, đơn vị;
- Biên bản họp thành viên UBND tỉnh và trích biên bản họp;
- Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến của các thành viên UBND tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT. HĐND tỉnh(B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, NN& PTNT, Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KTN(H).



Số: /2019/NQ-HĐND

DỰ THẢO

Đăk Nông, ngày tháng năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất
và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đăk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHOÁ III, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Xét Tờ trình số 133 /TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đăk Nông như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể một số chính sách của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thuỷ sản, lâm nghiệp (gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh được giao quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất gắn và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

3. Nội dung, định mức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. Tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng cho 01 dự án liên kết.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Các bên tham gia liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện nội dung sau:

- Xây dựng mô hình khuyến nông

Hỗ trợ 100% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn, mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/mô hình; nếu thực hiện mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (nhà kính, nhà lưới, thủy canh, tưới nhỏ giọt, công nghệ sinh học, tự động hóa), mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/mô hình.

- Đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý sản xuất, quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi liên kết và phát triển thị trường

+ Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, nơi ở và đi lại cho đối tượng tham gia đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý sản xuất, quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi liên kết và phát triển thị trường.

+ Các đối tượng tham gia các lớp đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp: Hỗ trợ theo Điều 4 và Điều 5, Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng và các quy định cụ thể của tỉnh.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm

+ Hỗ trợ 100% chi phí về giống, vật tư nhưng không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã; mức hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/vụ đối với trồng trọt, không quá 35 triệu đồng/chu kỳ sản xuất đối với chăn nuôi, không quá 05 triệu đồng/ha/năm đối với

lâm nghiệp, không quá 30 triệu đồng/chu kỳ sản xuất đối với nuôi trồng thủy sản. Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/dự án liên kết.

+ Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm (bao gồm tem truy xuất nguồn gốc điện tử), mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng.

- Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/dự án liên kết.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Lồng ghép từ Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; các Chương trình, dự án về khuyến nông; Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã,... Thực hiện theo hướng dẫn của các Bộ: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các cơ quan có liên quan.

b) Ngoài các nội dung quy định tại Nghị quyết này, các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông Khóa III, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2019./.

Noi nhận:

- UBTƯ Quốc Hội, Chính phủ;
- Các Bộ: NN&PTNT, TC, KHĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND; UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh, công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Đăk Nông;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Lê Diẽn

Đăk Nông, ngày 08 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đăk Nông

Thực hiện quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 923/SNN-PTNT về việc thẩm định Dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đăk Nông.

Sở Tư pháp tiến hành thẩm định dự thảo Nghị quyết nêu trên với các nội dung sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết (về phạm vi điều chỉnh) quy định: “*Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đăk Nông theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất gắn và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây gọi chung là Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ).*” – lưu ý: bỏ từ “*gắn*” cho chính xác.

Việc quy định như vậy là chưa rõ ràng, chính xác và phù hợp với quy định tại Điều 1 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP: “*Nghị định này quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và diêm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp).*”.

(Địa bàn tỉnh Đăk Nông không có lĩnh vực *diêm nghiệp* nên việc quy định phạm vi điều chỉnh theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP là chưa phù hợp).

2. Tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và sự phù hợp của nội dung dự thảo với các văn bản có liên quan

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đăk

Nông là phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015; Nội dung dự thảo cơ bản phù hợp với quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Tuy nhiên, để nội dung dự thảo được hoàn thiện, phù hợp hơn, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu, chỉnh lý các nội dung sau đây:

- Tên gọi dự thảo cần sửa lại cho chính xác và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP; mẫu số 16 – Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có thể viết như sau:

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

- Đối với nội dung tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết:

+ Điểm b khoản 2 Điều 1 quy định: “*Ưu tiên hỗ trợ dự án liên kết sản xuất trong vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các ngành hàng, sản phẩm quan trọng, chủ lực của tỉnh, của huyện, thị xã (theo Quyết định 2096/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông); sản phẩm thuộc Chương trình OCOP (theo Quyết định 2053/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông).*” cần đổi chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP (về **trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**) cho phù hợp: “*Xác định, phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm và thông báo công khai trên địa bàn tỉnh.*” – các Quyết định trên đã thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP chưa?

+ Tại điểm b khoản 3 Điều 1 về điều kiện hỗ trợ: Cơ quan soạn thảo cần nêu rõ cơ sở pháp lý, sự cần thiết của việc quy định các **điều kiện cụ thể** như dự thảo đề cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trong khi văn bản Trung ương không quy định, việc quy định thêm các điều kiện cụ thể ngoài các điều kiện đã được quy định tại Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP có gây khó khăn, cản trở cho các đối tượng thụ hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh không?

- Đối với nội dung tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết:

+ Về tên gọi của điều cần điều chỉnh từ “Mức chi” thành “Chính sách” cho chính xác và phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân được quy định

tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP: “Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn.”.

+ Tại Khoản 3 cơ quan soạn thảo cần giải trình thêm về cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn đối với việc quy định các chính sách, mức hỗ trợ không có trong Điều 7, 8, 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP (trong khi phạm vi điều chỉnh của dự thảo là theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP) hoặc đã được quy định trong các văn bản khác của địa phương như: Hỗ trợ 100% chi phí thuê chuyên gia đánh giá, chứng nhận cơ sở sản xuất nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao, cơ sở thực hành sản xuất nông nghiệp tốt... (tương tự với các quy định tại điểm c; d; đ; f; g; h; i; k; l; m của Khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết – nhất là về Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm).

+ Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về nguồn kinh phí và mức hỗ trợ thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác. Do đó, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu các văn bản có liên quan như: Thông tư 43/2017/TT-BTC về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Thông tư 08/2019/TT-BTC sửa đổi Thông tư 43/2017/TT-BTC quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành... để xây dựng nội dung cho phù hợp.

+ Khoản 4 Điều 3 có quy định thủ tục, thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ dự án, cần xem xét lại một số nội dung sau:

. Tại điểm a Khoản 4 quy định: “Thủ tục, trình tự hỗ trợ dự án liên kết: Theo quyết định số 36/QĐ-UBND, ngày 26/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế và bãi bỏ lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.” đã phù hợp với quy định cụ thể tại Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP (về hồ sơ và trình tự, thủ tục hỗ trợ liên kết) chưa? Không nên dẫn chiếu theo quyết định hành chính của UBND tỉnh vì thiếu tính ổn định (nội dung dẫn chiếu cụ thể này chỉ có thể nêu tại văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết).

. Tại điểm b Khoản 4 quy định về thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết là không đúng với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh – đây là Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP: “Phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn theo thẩm quyền. Quy định phân cấp Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hỗ trợ liên kết trên địa bàn theo quy mô vốn đầu tư và địa bàn thực hiện liên kết” (việc quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ liên kết thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh).

+ Về nguồn kinh phí thực hiện tại khoản 5 Điều 2: Nguồn kinh phí thực hiện đã được quy định rõ tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP (từ Điều 7 đến Điều 10), do đó, việc chỉ quy định lại (chung chung) như dự thảo là không cần thiết.

Tóm lại, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu kỹ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP để xác định những nội dung được giao cho địa phương quy định: bao gồm trách nhiệm của HĐND tỉnh ban hành, trách nhiệm của UBND tỉnh ban hành để tham mưu cho chính xác. Đối với các chính sách hỗ trợ mà văn bản Trung ương đã quy định (về nội dung, mức tối đa,...) thì cần quy định cho phù hợp (không quá mức tối đa); đối với các nội dung, mức chi liên quan đã quy định tại các văn bản hiện hành khác của địa phương (chẳng hạn Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND,...) thì dẫn chiếu thực hiện (tránh trùng lặp, chồng chéo). Trong trường hợp dự thảo quy định những **chính sách đặc thù** ngoài các chính sách được quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP thì cần thực hiện theo đúng quy trình Luật định.

3. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Cơ quan soạn thảo cần rà soát kỹ lại **tổng bộ lỗi chính tả** trong toàn văn các dự thảo cho phù hợp với ngôn ngữ tiếng Việt, chú ý các lỗi cách chữ, đặc biệt là sử dụng dấu câu; rà soát và viết đúng tên địa danh “**Đăk Nông**”; trình bày thứ tự các khoản theo đúng thứ tự bảng chữ cái Tiếng Việt; đồng thời trình bày văn bản theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*trình bày theo Mẫu số 16 Phụ lục I*). Cụ thể:

a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Về căn cứ pháp lý:

+ Bổ sung đầy đủ ngày tháng năm ban hành của các căn cứ pháp lý thứ nhất và thứ 2;

+ Viết lại căn cứ cuối cùng theo Mẫu số 16 Phụ lục I Nghị định số 34/2016/NĐ-CP cho chính xác:

“*Xét Tờ trình; Báo cáo thẩm tra; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*” Lưu ý: căn cứ cuối cùng thay dấu phẩy (,) bằng dấu chấm (.) cho chính xác theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Không viết hoa từ “Quy định” trong cụm từ “*Nghị quyết này Quy định một số ...*” tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo.

- Bỏ số thứ tự điểm “f” tại Điều 2 cho phù hợp với Bảng chữ cái tiếng Việt.

- Cần đánh số trang văn bản theo đúng quy định tại Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP “*Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt*

canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của phụ lục được đánh số riêng theo từng phụ lục.”.

- Tại mục nơi nhận: bỏ sung gửi “Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp”; thay “Chi cục Văn thư, lưu trữ” bằng “Trung tâm LT lịch sử - Sở Nội vụ” cho phù hợp.

b) Đối với dự thảo Tờ trình

- Nội dung Tờ trình cần trình bày theo Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Theo đó, tại phần tên gọi cần sửa lại như sau:

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết.... trên địa bàn tỉnh Đăk Nông

- Tại phần cuối cùng của dự thảo Tờ trình cần bổ sung thêm đoạn:

“Trên đây là Tờ trình về dự thảo xin kính trình xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: / ;...).”.

- Tại mục “nơi nhận” bổ sung “Sở Tư pháp” để theo dõi, tham mưu trong công tác văn bản.

4. Kết luận chung

Việc tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh Dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đăk Nông là đúng thẩm quyền và cần thiết. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần xem xét, chỉnh sửa lại dự thảo theo mục 1, 2 và 3 của Báo cáo thẩm định này từ đó tiếp tục hoàn thiện trước khi trình UBND, HĐND tỉnh thông qua theo đúng quy định.

Trên đây là nội dung Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với Dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đăk Nông, cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN và PTNT (t/h);
- GD, PGĐ Sở (Đ/c Hiệu);
- VP Sở (đưa lên Website của Sở);
- Lưu: VT, VBPBPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Người ký: Sở Tư
pháp
Email:
stp@daknong.go
v.vn
Cơ quan: Tỉnh
Đăk Nông
Thời gian ký:
20.05.2019
16:37:44 +07:00

Nguyễn Trung Hiếu